TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **94**/2026/QĐST-HNGĐ	*Thanh Hóa, ngày 13 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 152/2026/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2026 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*", giữa:

Nguyên đơn: anh Bùi Hồng B, sinh năm 1992, số CCCD: 0380920…….99.

ĐKHKTT: thôn B, xã V, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn K, xã K, tỉnh Thanh Hoá.

Bị đơn: chị Quách Thị H, sinh năm 1988, số CCCD: 03818……9155.

Địa chỉ: thôn B, xã V, tỉnh Thanh Hoá.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số điều quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Hồng B và chị Quách Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Anh Bùi Hồng B và chị Quách Thị H đều xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Bùi Hồng B và chị Quách Thị H thống nhất thỏa thuận vợ chồng có 01 con chung, cháu Bùi Hồng N, sinh ngày 30/10/2010. Cháu N là con riêng của chị H. Anh B đã làm thủ tục nhận nuôi cháu N, làm thủ tục cải chính

giấy khai sinh, đăng ký khai sinh cho cháu N là con của anh B, chị H. Hai bên thống nhất, chị H trực tiếp chăm sóc cháu Bùi Hồng N. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

Anh B có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Anh Bùi Hồng B và chị Quách Thị H thống nhất thỏa thuận vợ chồng tự chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh Bùi Hồng B và chị Quách Thị H thống nhất thỏa thuận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Bùi Hồng B và chị Quách Thị H thống nhất thỏa thuận: anh B chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn*) anh B đã nộp. Trả lại cho anh B số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn*) tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0003724 ngày 14/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND Khu vực 7 – Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã V, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hoa

TAND KHU VỰC 7

NJY130626.TL.QDBA
566

94/2026/QĐST-HNGĐ